

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2023/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn A** – sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 105, ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị B** – sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn A trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2007, anh và chị B tự nguyện sống chung như vợ chồng, không làm lễ cưới và không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2010, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đời sống không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong lối sống và không cùng chí hướng. Do vậy, anh và chị B không thể duy trì được đời sống chung. Đến cuối năm 2010, anh và chị B sống ly thân. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa anh và chị B không đạt được, anh chị sống không hoà

hợp, không còn tình cảm với nhau nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2009, hiện nay cháu do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị B trình bày tại Biên bản hoà giải của Tòa án:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh A. Nay anh A yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh A có một con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2009, hiện nay cháu do anh A đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu V cho anh A nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh A, không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị thống nhất với lời trình bày của anh A, không có nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn A nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị B. Khi khởi kiện chị B cư trú tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn A và chị Trần Thị B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A và chị B theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh A và chị B tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của anh A về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A và chị B, anh A yêu cầu được ly hôn với chị B. Chị B thống nhất với lời trình bày của anh A, chị đồng ý ly hôn với anh A. Xét thấy, do anh A và chị B không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống*

với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Nguyễn A và chị Trần Thị B là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Anh A và chị B có một con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2009, hiện nay cháu do anh A đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Chị B đồng ý giao cháu V cho anh A nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu V có nguyện vọng sống với anh A. Từ đó, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh A và chị B về việc giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2009 cho anh A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn A và chị Trần Thị B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Anh Nguyễn A và chị Trần Thị B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn A phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn A và chị Trần Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn A và chị Trần Thị B về việc giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 7 năm

2009 cho anh Nguyễn A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn A và chị Trần Thị B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Anh Nguyễn A và chị Trần Thị B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn A phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009402 ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Anh Nguyễn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm